TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2019/DSST
Ngày 26-11-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quốc Việt**

2. Bà **Lê Thị Kiều Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST–DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST–DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B**

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Kiên Giang. Theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh và Quyết định số 708/2011/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2011 của Chủ tịch Hội

đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc bổ nhiệm đối với ông Nguyễn Văn H.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Bùi Đức T** – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Kiên Giang, phòng Giao dịch T. Theo Quyết định ủy quyền số 752/2019/QĐ-LPB.KG ngày 22/7/2019 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Kiên Giang (có mặt).

** Bị đơn:* Anh **Trần Văn Đ** – sinh năm 1977 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là ông Bùi Đức T trình bày:***

Ngày 24/12/2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Kiên Giang có ký Hợp đồng Tín dụng số: 2067/2014/KG/HĐTD-L với anh Trần Văn Đ, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 10.000.000đ (Mười triệu đồng);
- Mục đích vay: tiêu dùng,
- Thời hạn vay: 24 tháng,
- Lãi suất cho vay: 13.2%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn,
- Biện pháp bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm,
- Kỳ hạn trả nợ gốc: trả định kỳ 06 tháng/lần, vào ngày 20, mỗi kỳ trả 2.500.000đ; kỳ hạn trả lãi: lãi trả 03 tháng/lần, vào ngày 20, theo dư nợ gốc giảm dần.

Trong hợp đồng hai bên cũng thỏa thuận tiền phạt chậm trả lãi là:

Số tiền phạt = (Số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt quá hạn x số ngày chậm trả)/360, trong đó lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm bắt đầu chậm trả lãi.

Từ khi vay đến nay anh Đ không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Theo thông tin Ngân hàng được biết thì vào năm 2015 anh Đ và gia đình đã bỏ địa phương đi, không rõ địa chỉ, nên Ngân hàng có đến nhà anh Đ để liên hệ làm việc nhưng không gặp được và Ngân hàng cũng đã có thông báo gửi đến chính quyền địa

phương về việc nợ quá hạn này. Vì trong tài khoản của ông Đ mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Kiên Giang còn lại một số tiền nên Ngân hàng đã thực hiện thu 66đ và trừ vào tiền nợ gốc; thu 315.33đ và trừ vào tiền lãi trong hạn; thu 12.375đ và trừ vào tiền lãi quá hạn; thu 2.226đ và trừ vào tiền lãi phạt chậm trả.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu anh Đ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/11/2019 là 19.782.821đ, trong đó: nợ gốc là 9.999.934đ, tiền lãi trong hạn là 6.277.302đ, tiền lãi quá hạn là 2.452.069đ, lãi phạt chậm trả là 1.053.516đ và yêu cầu tính lãi phát sinh.

Do bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

+ Buộc anh Trần Văn Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số nợ gốc là 9.999.934đ, lãi trong hạn là 6.277.302đ, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/11/2019 là 2.452.069đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi anh Đ thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B

và anh Trần Văn Đ là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cũng như thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật; nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Văn Đ.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Xét thấy, Hợp đồng Tín dụng số 2067/2014/KG/HĐTD-L ngày 24/12/2014 đã được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng này có thời hạn hoàn tất hợp đồng. Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và anh Trần Văn Đ là hợp pháp.

[2] Xét thấy, ngày 24/12/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và anh Trần Văn Đ có ký Hợp đồng Tín dụng số 2067/2014/KG/HĐTD-L để cho anh Đ vay số nợ gốc là 10.000.000đ. Trong quá trình vay, anh Đ chỉ trả được 66đ tiền nợ gốc, 315.33đ tiền lãi trong hạn, 12.375đ tiền lãi quá hạn và 2.226đ tiền lãi phạt chậm trả (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần B chủ động trích toàn bộ số dư trong tài khoản của anh Đ mở tại Ngân hàng để thu nợ) và không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo định kỳ đã thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong hợp đồng. Do vậy, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu anh Đ phải thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay

thì bị đơn anh Trần Văn Đ phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khi đến hạn.

[3] *Về lãi suất:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu tính lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết tạm tính đến ngày 26/11/2019 và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 91**,** Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì việc các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với pháp luật về tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng.

Tuy nhiên, đối với việc thỏa thuận tiền lãi phạt chậm trả lãi, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi, lãi suất tại thời điểm xét xử sơ thẩm của hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 chỉ bao gồm lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, không quy định việc tính lãi phạt chậm trả lãi. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh Đ phải trả tiền lãi phạt chậm trả lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/11/2019 là 18.729.305đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Anh Trần Văn Đ không phải trả tiền lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa trả.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng đối với anh Trần Văn Đ, nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần B phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 2.250.000đ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000đ.

Buộc anh Trần Văn Đ phải nộp án phí là: 18.729.305đ x 5% = 936.465đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 91, Điều 146, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 9, Điều 25 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với anh Trần Văn Đ.

2. Buộc Anh Trần Văn Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm tính đến ngày 26/11/2019 là 18.729.305đ (Mười tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ năm đồng), trong đó: nợ gốc là 9.999.934đ, lãi trong hạn là 6.277.302đ và lãi quá hạn là 2.452.069đ. Anh Trần Văn Đ không phải trả tiền lãi phạt chậm trả lãi đối với khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng Tín dụng số 2067/2014/KG/HĐTD-L ngày 24/12/2014 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và anh Trần Văn Đ.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại

chúng với số tiền là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp đủ.

4. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Anh Trần Văn Đ phải nộp án phí là: 18.729.305đ x 5% = 936.465đ (Chín trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003415 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B còn được nhận lại số tiền là 165.000đ (Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu nói trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo